

Số: 03/2022/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH DANH MỤC NHÀ TÙ VÀ NHỮNG NƠI ĐƯỢC COI LÀ NHÀ TÙ ĐỂ XEM XÉT CÔNG NHẬN NGƯỜI HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG, KHÁNG CHIẾN, BẢO VỆ TỔ QUỐC, LÀM NGHĨA VỤ QUỐC TẾ BỊ ĐỊCH BẮT TÙ, ĐÀY

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Người có công;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định Danh mục nhà tù và những nơi được coi là nhà tù để xem xét công nhận người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày.

Điều 1. Danh mục nhà tù và những nơi được coi là nhà tù để xem xét công nhận người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày

1. Địa điểm bị tù, đày để xem xét công nhận người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày được quy định tại Phụ lục Danh mục nhà tù và những nơi được coi là nhà tù ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế địch bắt tù, đày ở nước ngoài thì nơi bị tù theo giấy xác nhận của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2022.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, bãi bỏ Thông tư số 02/2019/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 Thông tư số 16/2014/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung xác nhận và thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức phản ánh về Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội để xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Bá Hoan

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND, Sở LĐTBXH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ LĐTBXH: Bộ trưởng, các Thứ trưởng và các đơn vị có liên quan;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, NCC.

PHỤ LỤC

DANH MỤC NHÀ TÙ VÀ NHỮNG NƠI ĐƯỢC COI LÀ NHÀ TÙ

(Kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Stt	Tỉnh/ thành phố	Tên nhà tù và những nơi được coi là nhà tù	Thời gian tồn tại: 1- kháng chiến chống Pháp 2- kháng chiến chống Mỹ
1	An Giang	1.1. Khám Vườn Trầu	1,2
		1.2. Khám Long Xuyên	1,2
		1.3. Khám Châu Đốc	1,2
		1.4. Tiểu khu Long Xuyên	
		1.5. Tiểu khu Châu Đốc	
		1.6. Chi khu quận An Phú	
		1.7. Chi khu quận Tân Châu (nay là thị xã Tân Châu)	
		1.8. Chi khu quận Chợ Mới	
		1.9. Chi khu Huệ Đức (nay là huyện Thoại Sơn)	
		1.10. Chi khu quận Tịnh Biên	
		1.11. Chi khu quận Tri Tôn	
		1.12. Chi khu quận Châu Thành	

		1.13. Chi khu quận Châu Phú	
		1.14. Ty Cảnh sát quốc gia Châu Đốc	
		1.15. Ty cảnh sát quốc gia Long Xuyên	
		1.16. Căn cứ Mỹ xã Vĩnh Gia	
		1.17. Căn cứ Mỹ Núi Ba Soài	
		1.18. Căn cứ Mỹ Núi Đất	
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	2.1. Nhà lao Vũng Tàu (Công an tỉnh trước đây)	
		2.2. Nhà giam Bourolaplett-nhà quan 5 Pháp	
		2.3. Nhà giam Sở lính kín mật thám tại ngã tư đường Hoàng Hoa Thám	
		2.4. Trại giam Thắng nhất	
		2.5. Trại giam Thắng nhì	
		2.6. Trại giam Thắng tam	
		2.7. Nhà giam tại PO-10 (Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh trước đây)	
		2.8. Khám đường Bà Rịa	
		2.9. Nhà giam Bà Rịa	
		2.10. Nhà giam Chi khu Đất Đỏ (huyện Long Đất)	
		2.11. Nhà giam Chi khu Xuyên Mộc	
		2.12. Nhà giam Chi khu Đức Thạnh (huyện Châu Đức)	
		2.13. Nhà tù Côn Đảo	
3	Bắc Giang	3.1. Nhà tù Phủ Lạng Thương (thị xã Phủ Lạng Thương)	Trước Cách mạng tháng 8/1945 và trong kháng chiến chống Pháp
		3.2. Nhà tù Trại Cự	
		3.3. Bốt Đồi Ngô	
		3.4. Bốt Thái Đào	
		3.5. Quận Sen Hồ	

		3.6. Cảng Bãi Bằng	
		3.7. Đồn Bắc Giang	
		3.8. Quận Mỹ Độ	
		3.9. Đồn Chi Tác xã Huyền Sơn, huyện Lục Ngạn	1
		3.10. Đồn Biển Động xã Biển Động huyện Lục Ngạn	1
		3.11. Đồn Con Voi xã Trung Sơn, huyện Việt Yên	1
		3.12. Bót Kim Sa (Chợ Sa) xã Đan Hội, huyện Lục Nam (trước đây là xã Cẩm Vũ Đan, huyện Chí Linh, tỉnh Quảng Yên)	1
4	Bắc Kạn	4.1. Nhà tù Bắc Kạn	Trước Cách mạng tháng 8 năm 1945
5	Bạc Liêu	5.1. Khám lớn Bạc Liêu	
		5.2. Nhà giam của Sư đoàn 21	
		5.3. Trại giam chi khu Vĩnh Lợi	
		5.4. Trại giam phân chi khu Vĩnh Hưng	
		5.5. Trại giam chi cảnh sát quận Giá Rai	
		5.6. Trại giam chi cảnh sát quận Phước Long	
		5.7. Trại giam chi khu Ngan Dừa	
6	Bến Tre	6.1. Khám lá Bến Tre	Trước Cách mạng tháng 8 năm 1945 đến kháng chiến chống Mỹ
		6.2. Ty thẩm vấn Bến Tre	
		6.3. Phòng nhì tình lý Bến Tre	1,2
		6.4. Bót Đình Bình Hòa, huyện Giồng Trôm	
		6.5. Bót Đình Hội Yên, huyện Mỏ Cày Nam	
		6.6. Bót Ngã Ba Bến Đình, huyện Bình Đại	
		6.7. Bót Đình Phước Tuy, huyện Ba Tri	
		6.8. Chi khu quân sự Thạnh Phú	

		6.9. Chi khu quân sự Hương Mỹ	
		6.10. Chi khu quân sự Mỹ Cày	
		6.11. Chi khu quân sự Đôn Nhơn	
		6.12. Chi khu quân sự Trúc Giang	
		6.13. Chi khu quân sự Hàm Long	
		6.14. Chi khu quân sự Phước Hưng (Phước Long)	
		6.15. Chi khu quân sự Giồng Trôm	
		6.16. Chi khu quân sự Ba Tri	
		6.17. Chi khu quân sự Bình Đại	
7	Bình Dương	7.1. Nhà tù Phú Lợi	Từ năm 1956 đến ngày 30/4/1975
		7.2. Nhà tù Phước Thành	Từ năm 1959 đến tháng 7/1965
		7.3. Khám đường Bình Dương	Từ khoảng năm 1910-1912 đến ngày 30/4/1975
8	Bình Định	8.1. Nhà lao Quy Nhơn	1,2
		8.2. Nhà lao lớn Quy Nhơn	1,2
		8.3. Nhà lao Bình Định (nhà lao Hòa Thoại)	1,2
		8.4. Lao xá Bình Định (Trung tâm cải huấn Bình Định)	1,2
		8.5. Trung tâm thẩm vấn Bình Định	1,2
		8.6. Trại giam tù binh Phú Tài	1,2
		8.7. Nhà tù Lầu Ông Tánh (Nhà giam Lầu Ông Tánh)	
		8.8. Nhà lao Lò Nồi	
		8.9. Nhà lao An Lão	
		8.10. Chi khu quận lỵ An Lão	
		8.11. Nhà tù Tam Quan (Trại giam Tam Quan, Nhà tù Chi cảnh sát Tam Quan)	

		8.12. Nhà giam Ban II Chi khu (Trại giam Bồng Sơn, Nhà tù Bồng Sơn, Nhà lao Chi cảnh sát Hoài Nhơn. Chi cảnh sát Quốc gia Hoài Nhơn, Nhà tù Hoài Nhơn)	
		8.13. Lò bò Hoài Tân (Nhà tù Hoài Tân, Trại giam Hoài Tân, Nhà tù (nhà giam)Trung đoàn 40)	
		8.14. Nhà giam Hoài Ân	
		8.15. Nhà giam Phù Mỹ	
		8.16. Nhà giam Ban II Chi khu (Phù Mỹ)	
		8.17. Nhà lao quận Phù Cát	
		8.18. Nhà tù cảnh sát đặc biệt quận Phù Cát	
		8.19. Nhà tù Bình Khê	
		8.20. Nhà tù Ban II Chi khu (Bình Khê)	
		8.21. Nhà tù Vĩnh Thạnh	
		8.22. Nhà tù Ban II Chi khu (Vĩnh Thạnh)	
		8.23. Nhà lao quận An Nhơn	
		8.24. Nhà tạm giữ Ban II Chi khu An Nhơn	
		8.25. Nhà lao Tuy Phước	
		8.26. Nhà tù Tuy Phước	
		8.27. Phòng tạm giữ và phòng tạm giữ II Vân Canh (huyện Vân Canh)	
9	Bình Phước	9.1. Nhà tù Bà Rá	1,2
		9.2. Nhà tù tiểu khu Bình Long	Từ năm 1957 đến cuộc kháng chiến chống Mỹ thành công
		9.3. Nhà tù tiểu khu Phước Long	Từ năm 1957 đến cuộc kháng chiến chống Mỹ thành công
		9.4. Chi khu: quận Đức Phong, Phước Bình, Bù Gia mập, Lộc Ninh, Đức Bồn, Hớn Quản, Chơn Thành, Đôn Luân.	Từ năm 1957 đến cuộc kháng chiến chống Mỹ thành công

		9.5. Thị xã: An Lộc, Phước Long	Từ năm 1957 đến cuộc kháng chiến chống Mỹ thành công
10	Bình Thuận	10.1. Nhà lao Pagốt	Từ năm 1930-1968
		10.2. Nhà lao Đồn Trinh Tường	Từ năm 1930-1945
		10.3. Nhà tù GI (Gabrde Indigène)	Có từ trước năm 1935-1945 và tồn tại đến năm 1968
		10.4. Nhà lao ở Phan Rí Thành	Từ năm 1954-1968 ở Bắc Bình, từ năm 1968-1975 chuyển về Chợ Lầu
		10.5. Nhà lao ở Long Hương	Từ năm 1930-1945
		10.6. Nhà lao Bà Rá	Từ năm 1930-1945
		10.7. Nhà giam ở Liên Hương	Từ năm 1954-1975
		10.8. Nhà giam ở Ma Lâm	Từ năm 1954-1975
		10.9. Nhà giam ở Mũi Né	Từ năm 1954-1975
		10.10. Nhà giam ở Ngã Hai	Từ năm 1954-1975
		10.11. Nhà giam ở Hàm Tân (Trước năm 1957 ở thị trấn LaGi, từ năm 1957 đến tháng 10/1961 đóng tại đồi Hoa Sim, từ tháng 10/1961 đến năm 1975 dời về trung tâm cải huấn Bình Tuy)	Trước năm 1957-1975
		10.12. Nhà giam ở Chợ Lầu	Từ năm 1954-1975
		10.13. Nhà giam ở Tam Tâm	Từ năm 1954-1975
		10.14. Nhà giam ở Ngã Hai	Từ năm 1954-1975
		10.15. Nhà giam tiểu khu Bình Tuy	Từ năm 1954-1975
		10.16. Nhà giam ở Lạc Tánh	Từ năm 1954-1975
		10.17. Nhà giam ở Hoài Đức (Từ năm 1957-1965 ở Bắc Ruộng, từ năm 1965-1975 ở Võ Đắc)	Từ năm 1957-1975
		10.18. Nhà giam quận Hòa Đa	Từ năm 1946-1975
		10.19. Nhà giam quận Thiện Giáo	Từ năm 1962-1975
		10.20. Nhà giam Ga Ma Lâm	Từ năm 1946-1954

		10.21. Nhà giam Ga Long Thạnh	Từ năm 1946-1954
		10.22. Nhà giam Cẩm Bàng (Phan Thiết)	Từ năm 1946-1954
		10.23. Nhà tù Bình Thuận	Từ năm 1930-1945
		10.24. Nhà giam Sông Mao quận Hải Ninh	Từ năm 1958-1975
		10.25 Nhà giam Phòng nhì mật thám (Phan Thiết)	Từ năm 1946-1975
		10.26. Nhà giam an ninh quân đội	
		10.27. Nhà lao Phan Thiết	Từ năm 1968-1975
		10.28. Ty cảnh sát quốc gia tỉnh Bình Thuận	
		10.29. Trại an trí Mũi Né	
11	Cà Mau	11.1. Nhà tù Đền Bò	1
		11.2. Nhà tù Bót Lò Heo	1,2
		11.3. Nhà tù Khám Lớn	2
		11.4. Nhà giam quận Đầm Dơi	2
		11.5. Nhà giam quận Năm Căn	2
		11.6. Nhà giam quận Thới Bình	2
		11.7. Nhà giam quận Sông Ông Đốc (tại thị trấn Rạch Ráng từ năm 1958 và từ năm 1970 đến 30/04/1975)	2
		11.8. Nhà giam quận Cái Nước	2
		11.9. Nhà giam Đặc khu Hải Yến (Bình Hưng)	2
		11.10. Nhà giam quận Quản Long	2
		11.11. Nhà giam Đặc khu Khai Hoang	2
		11.12. Nhà giam Ty cảnh sát đặc biệt	2
		11.13. Nhà giam Chi khu Vàm Đĩnh	2
		11.14. Nhà giam quận Cái Đoi	2
		11.15. Nhà giam quận Sông Ông Đốc (tại thị trấn sông Ông Đốc từ 1965-1970)	2
		11.16. Ban 2 Tiểu khu An Xuyên	

12	Cần Thơ	12.1. Trung tâm thẩm vấn vùng 4	2
		12.2. An ninh quân đội	2
		12.3. Tiểu khu Phong Dinh	2
		12.4. Ty Công an	2
		12.5. Trại tù binh Lộ Tê	1,2
		12.6. Khám lớn Cần Thơ	2
		12.7. Trại tù binh PIM	1,2
		12.8. Trại Lê Lợi	2
		12.9. Trại tù binh ở Trà Bay	2
		12.10. Ban 2 Chi khu	2
		12.11. Chi cảnh sát quận	2
		12.12. Ban Chi khu	2
		12.13. Tiểu khu Chương Thiện	2
		12.14. Ty Công an Chương Thiện	2
		12.15. Khám giam tỉnh (còn gọi là đặc khu U Minh)	2
13	Cao Bằng	13.1. Nhà tù Cao Bằng	Trước Cách mạng tháng 8/1945
14	Đà Nẵng	14.1. Nhà lao Con Gà (bót Con Gà)	1
		14.2. Nhà lao Đà Nẵng	1
		14.3. Nhà lao Kho Đạn (Trung tâm cải huấn Trung Trung phần hoặc Trung tâm cải huấn Đà Nẵng)	2
		14.4. Nhà lao Hòa Vang (Lao Xá Hòa Vang)	1
		14.5. Nhà giam Quá Giáng	Thời kỳ chống Pháp đến năm 1962
		14.6. Nhà giam PRA	1
		14.7. Nhà giam Phú Hòa	2
		14.8. Ty Gia Long	2

		14.9. Trung tâm thẩm vấn Thanh Bình	2
		14.10. Nhà giam Hiếu Đức	2
		14.11. Trại giam tù binh cộng sản Việt Nam vùng I chiến thuật (Trại giam tù binh Non Nước)	2
		14.12. Sở I an ninh quân đội	2
		14.13. Lao xá Hòa Vang	2
		14.14. Nhà lao Khái Đông	2
		14.15. Quân vụ thị trấn	2
		14.16. Chi cảnh sát quận I	2
		14.17. Chi cảnh sát quận II	2
		14.18. Chi cảnh sát quận III	2
		14.19. Trại tạm giam Hòa Cầm (Hố Kè)	Từ năm 1966-1973
		14.20. Trường Tổ cộng Cẩm Lệ (Trung tâm cải huấn huyện Hòa Vang)	
		14.21. Trung tâm Thanh lọc Quảng Đà	
15	Đắk Lắk	15.1. Nhà đày Buôn Ma Thuột (Nhà tù Buôn Ma Thuột)	Từ năm 1930-1945; từ năm 1946-1975 gọi là Nhà tù Buôn Ma Thuột
16	Đắk Nông	16.1. Ngục Đắk Mil	Từ năm 1930-1945
		17.1. Khám đường Cao Lãnh	
17	Đồng Tháp	17.2. Khám lớn Sa Đéc	
		17.3. Trại giam Ty Cảnh sát tỉnh Kiến Phong (nay là tỉnh Đồng Tháp)	
		17.4. Trại giam Ty Cảnh sát tỉnh Sa Đéc (nay là tỉnh Đồng Tháp)	
		17.5. Trại giam Ty An ninh tỉnh Kiến Phong (nay là tỉnh Đồng Tháp)	
		17.6. Trại giam Ty An ninh tỉnh Sa Đéc (nay là tỉnh Đồng Tháp)	

		17.7. Trại giam Chi Cảnh sát quận Đức Tôn - tỉnh Sa Đéc (nay là tỉnh Đồng Tháp)	
		17.8. Trại giam Chi Cảnh sát quận Cao Lãnh - tỉnh Kiến Phong (nay là tỉnh Đồng Tháp)	
		17.9. Trại giam Phòng Nhì tỉnh Kiến Phong (Trại giam trong khu vực Viện Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp - đường Nguyễn Thái Học, phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp)	
18	Đồng Nai	18.1. Nhà tù Tà Lài huyện Định Quán	Trước tháng 8/1945 đến tháng 7/1954
		18.2. Khám đường Biên Hòa	Trước tháng 8/1945 đến tháng 4/1954
		18.3. Nhà tù Tân Hiệp	1,2
		18.4. Trại tù binh Hồ Nai	2
		18.5. Khám đường Long Khánh	2
		18.6. Yếu khu Thành Tuy Hạ	1,2
		18.7. Chi khu Nhơn Trạch	2
		18.8. Chi khu Long Thành	1,2
		18.9. Đồn Cầu Kê ở Phú Hữu	1,2
		18.10. Đồn Phước Tân - Long Thành	1
		18.11. Bót Thành Hưng ở đầu cầu Gành xã Hiệp Hòa	1
		18.12. Chi khu Đức Tu	2
		18.13. Chi khu Xuân Lộc	2
		18.14. Chi khu Kiệm Tân	2
		18.15. Chi khu Định Quán	2
		18.16. Chi khu Công Thành	1,2
		18.17. Chi khu Trảng Bom	1
		18.18. Thành Biên Hòa	1,2
		18.19. Ty Cảnh sát Biên Hòa	2
		18.20. Nha Cảnh sát miền Đông	2

		18.21. C3 Cảnh sát Biên Hòa	2
		18.22. Tiểu khu Biên Hòa	2
		18.23. Ty cảnh sát Long Khánh	2
		18.24. Tiểu khu Long Khánh	2
		18.25. Trại an trí Tà Lài	
		18.26. Trại giam tù binh cộng sản Vùng 3 chiến thuật	
19	Điện Biên	19.1. Nhà tù Lai Châu (trước thuộc tỉnh Lai Châu)	Từ năm 1883-1953
20	Gia Lai	20.1. Nhà lao Pleiku	Từ năm 1925-1975
		20.2. Nhà lao quận An Khê (An Túc)	Từ năm 1925-1975
		20.3. Nhà lao Phú Bổn (Cheo Reo)	Từ năm 1962-1975
		20.4. Nhà lao quận Lệ Trung	Từ năm 1955-1975
		20.5. Nhà lao quận Lệ Thanh	Từ năm 1955-1965
		20.6. Nhà lao quận Thanh An	Từ năm 1965-1975
		20.7. Nhà lao quận Phú Nhơn	Từ năm 1962-1975
		20.8. Nhà lao quận Phú Thiện	Từ năm 1962-1975
		20.9. Nhà lao quận Phú Túc	Từ năm 1962-1975
		20.10. Trại giam Pleiku	Từ năm 1967-1975
		20.11. Trại giam La Sơn	Từ năm 1967-1975
		20.12. Trại giam Chư Ty (Sân bay dã chiến Đức Cơ hay còn gọi là Công Trường Chudron)	Từ năm 1957-1959
		20.13. Trại giam tập trung Cửu Sừng - An Khê	Từ năm 1966-1972
21	Hà Giang	21.1. Trại giam Căng Bắc Mê (xã Yên Cường, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang)	Từ năm 1940-1942, 1
22	Hà Nội (tính gộp Hà Tây)	22.1. Nhà tù Nhà Tiền	1
		22.2. Nhà tù Hỏa Lò	1
		22.3. Nhà tù Nhà Rượu	1
		22.4. Nhà tù Thanh Liệt	1

		22.5. Nhà tù Sơn Tây	Trước năm 1945 đến 20/8/1945
		22.6. Nhà tù Hà Đông	Trước năm 1945 đến 23/8/1945
		22.7. AT Hà Đông	Từ năm 1947 đến cuối năm 1950
		22.8. Cămp 40 Hà Đông	Từ tháng 5/1950 đến tháng 7/1954
		22.9. Cămp 41 Hà Đông	Từ tháng 5/1950 đến tháng 7/1954
		22.10. Cămp 42 Sơn Tây	Từ năm 1948 đến tháng 7/1954, có bộ phận ở Trung Hà, huyện Bất Bạt thời kỳ trước tháng 4/1950 đến ngày 19/4/1950
		22.11. Nhà thờ Liễu Giai	Từ năm 1947-1954
		22.12. Sở Mật thám Hà Nội	Từ năm 1947-1954
		22.13. Bốt Vọng (thuộc quận Hai Bà Trưng)	Từ năm 1947-1954
		22.14. Bốt Phù Lỗ (thuộc huyện Sóc Sơn)	Từ năm 1947-1954
23	Hà Tĩnh	23.1. Nhà lao Hà Tĩnh	Từ 1945 trở về trước
24	Hải Dương	24.1. Nhà tù Hải Dương	
25	Hải Phòng	25.1. Đền lao Hải Phòng (mang tên Trần Phú)	Từ năm 1945 trở về trước
		25.2. Nhà tù Kiến An	Từ năm 1945 trở về trước
		25.3. Căng Máy Chai	Từ năm 1945 trở về trước
		25.5. Căng Đoạn Xá	Từ năm 1947 đến năm 1955
		25.6. Nhà tù hàng tỉnh có 2 khu: khu thường phạm và khu chính trị	Trước cách mạng tháng 8/1945; thời kỳ chống Pháp
		25.7. Nhà tù Bốt Com Măng Đô	1947; thời kỳ chống Pháp
		25.8. Nhà tù Đơ Ren	1947; thời kỳ chống Pháp
		25.9. Quận lỵ Tiên Lãng	Từ năm 1950-1954

		25.10. Bốt Trung Lãng	Từ năm 1950-1954
		25.11. Bốt Hán Nam	Từ năm 1950-1954
		25.12. Bốt Đông Xuyên Ngoại	Từ năm 1950-1954
		25.13. Bốt Đông Côn	Từ năm 1950-1954
		25.14. Bốt Sứ Liễu	Từ năm 1950-1954
		25.15. Bốt Chợ Nhàn	Từ năm 1950-1954
		25.16. Bốt Trâm Khê	Từ năm 1950-1954
26	Hòa Bình	26.1. Nhà tù Hòa Bình	1
27	Hậu Giang	27.1 Trại giam Chi khu Một Ngàn	
		27.2. Trại giam Kinh Thầy Cai	
		27.3. Trại giam Bãng 2 Tiểu Khu	
		27.4. Bồng tạm giam giữ Chi khu Đức Long	
28	Thành phố Hồ Chí Minh	28.1. Bốt Catina	1
		28.2. Nha cảnh sát đô thành đường Trần Hưng Đạo	2
		28.3. Bốt Phú Lâm	2
		28.4. Bốt Hàng Keo Gia Định	2
		28.5. Trại Lê Văn Duyệt	2
		28.6. P.42 ở Sở thú	1,2
		28.7. Trung tâm thẩm vấn Gia Định	2
		28.8. Biệt kích 1 đến biệt kích 4	2
		28.9. Bốt Hoàng Hùng	1,2
		28.10. Căn Phú Lâm	1
		28.11. Trung tâm thẩm vấn tinh báo Mỹ bến Bạch Đằng	2
		28.12. Khám lớn Sài Gòn	1
		28.13. Khám lớn Chí Hòa	1,2
		28.14. Nhà tù Thủ Đức	2

		28.15. Nhà lao Gia Định số 4 đường Phan Đăng Lưu	2
		28.16. An ninh quân đội đường Nguyễn Bình Khiêm	2
		28.17. Trại giam tù binh ở Hạnh Thông Tây	1
		28.18. Trại giam Hóc Môn	2
		28.19. Chi khu Bình Chánh	
29	Khánh Hòa	29.1. Nhà lao Thành Diên Khánh	Từ trước tháng 8/1945 đến năm 1975
		29.2. Khám lớn Nha Trang (Nhà lao Nha Trang)	Từ năm 1924-1975
		29.3. Trại tù binh Cam Ranh (Nhà tù Cam Ranh)	Từ tháng 8/1952 đến tháng 10/1954
		29.4. Nhà lao Ninh Hòa (Nhà lao Một Cột)	Từ năm 1946-1975
		29.5. Quân lao Nha Trang (nơi giữ tù quân phạm, từ năm 1964 còn giam giữ cả tù chính trị)	Từ năm 1960-1975
		29.6. Liêm Phóng Pháp, Cảnh sát đặc biệt Mỹ (Lao Cây Dừa)	Từ năm 1946-1975
		29.7. Trung tâm thẩm vấn Việt Mỹ	Từ năm 1965-1975
		29.8. Phòng Nhì Pháp, Trại lính và An ninh quân đội phòng 5	Từ năm 1946-1954
		29.9. Sở Liêm Phóng Ngụy	Từ năm 1946-1975
		29.10. Sở Mật thám Ngụy	Từ năm 1949-1975
		29.11. Nhà lao Vạn Giã	1
		29.12. Nhà lao Cam Ranh	Từ năm 1949-1975
		29.13. Chi khu quân sự và Chi cảnh sát Ngụy của các quận Vạn Ninh, Ninh Hòa, Khánh Dương, Diên Khánh, Vĩnh Xương, Cam Lâm và Đặc khu Cam Ranh, thị xã Nha Trang	2
		29.14. Trại giam cấp tỉnh 24 Nguyễn Công Trứ	2
		29.15. Khu tạm giam và thẩm vấn của cảnh sát đặc biệt, tình báo Ngụy	2
		29.16. Trung tâm thẩm vấn	2
		29.17. Ty cảnh sát Quốc gia - Đặc khu Cam Ranh	2

		29.18. Bộ Chỉ huy Cảnh sát Khu 2	2
		29.19. Bót Cầu Quay	Từ năm 1946-1954
		29.20. Đồn Suối Dầu	Từ năm 1946-1954
		29.21. Đồn Vạn Giã	Từ năm 1946-1975
		29.22. Đồn Linh Khố Đỏ	1
		29.23. Đồn nhà dòng Lasan	1
		29.24. Đồn Pháp ở Thủy Tú	1
		29.25. Đồn Pháp Ga xe lửa Phú Vinh	1
		29.26. Đồn Bình Tân	1
		29.27. Đồn Tân Hưng	1
		29.28. Đồn Bến Đò	1
		29.29. Đồn Hòn Khói	1
		29.30. Đồn Lạc An	1
		29.31. Đồn Tân Lâm	1
		29.32. Đồn Suối Ré	1
30	Kiên Giang	30.1. Nhà tù Hà Tiên	Từ năm 1930-1945
		30.2. Khám lớn Rạch Giá	Từ năm 1930 đến ngày 30/4/1975
		30.3. Khám Lá Rạch Giá	Từ năm 1941-1945
		30.4. Trại giam tù binh Cây Dừa	Cảng Cây Dừa từ năm 1953-1954
		30.5. Trại huấn chính Cây Dừa	Từ năm 1956-1957
		30.6. Trại tù binh Phú Quốc	Từ năm 1967-1973
		30.7. Trại giam Đặc khu An Phước (Chắc Băng-Xẻo Rô)	Từ năm 1955 đến tháng 10/1958
		30.8. Nhà giam ở quận, chi khu Hiếu Lễ (Thứ Mười Một)	
		30.9. Nhà giam ở quận, chi khu Kiên An (An Biên)	

		30.10. Nhà giam ở quận, chi khu Kiên Long (Vĩnh Thuận)	
		30.11. Nhà giam ở quận, chi khu Kiên Hưng (Gò Quao)	
		30.12. Nhà giam ở quận, chi khu Kiên Bình (Giồng Riềng)	
		30.13. Nhà giam ở quận, chi khu Kiên Tân (Tân Hiệp)	
		30.14. Nhà giam ở quận, chi khu Kiên Thành (Châu Thành)	
		30.15. Nhà giam ở quận, chi khu Kiên Lương	
		30.16. Nhà giam ở quận, chi khu Hà Tiên	
		30.17. Nhà giam ở quận, chi khu Phú Quốc	
		30.18. Trung tâm thẩm vấn của Ty Công an Cảnh sát Kiên Giang	
		30.19. Chi khu Kiên Sơn (huyện Hòn Đất)	
31	Kon Tum	31.1. Nhà ngục Kon tum	1
		31.2. Ngục Đăk Glei	1
		31.3. Trại giam Đăk Tô	1
		31.4. Trung tâm cải huấn Kon Tum	2
32	Lạng Sơn	32.1. Nhà tù Lạng Sơn	Từ năm 1891 đến ngày 17/10/1950
		32.2. Nhà tù Đồng Ớn (cảng Đồng Ớn)	Từ năm 1942 đến Cách mạng Tháng 8
		32.3. Nhà tù Hội Hoan (cảng Hội Hoan)	Từ năm 1943 đến Cách mạng Tháng 8
33	Lâm Đồng	33.1. Nhà tù Dran (huyện Đơn Dương)	1,2
		33.2. Nhà tù Đà Lạt	1,2
		33.3. Trung tâm thẩm vấn Đà Lạt	
		33.4. Trại giam Ty An ninh Tuyên Đức	
		33.5. Trại giam Ty An ninh Lâm Đồng	
		33.6. Trung tâm cải huấn vị thành niên Đà Lạt (nay là di tích lịch sử quốc gia Nhà lao thiếu nhi Đà Lạt)	

		33.7. Trung tâm cải huấn Đà Lạt	
		33.8. Ty An ninh Tuyên Đức	
		33.9. Ty cảnh sát quốc gia Tuyên Đức Đà Lạt	
		33.10. Nơi giam giữ bí mật thuộc trụ sở cơ quan ICCS	
34	Long An (gồm 3 tỉnh cũ) 1/ Long An 2/ Hậu Nghĩa 3/ Kiến Tường	34.1. Nhà tù SR (tên gọi khác là SE hoặc Ty cảnh sát Long An)	1
		34.2. Nhà tù Tân An, các tên gọi khác: Khám đường Long An (hoặc Tân An); Trung tâm cải huấn Long An (hoặc Tân An); Trung tâm chấp pháp	1,2
		- Nhà giam Chi khu quận Thủ Thừa	2
		- Nhà giam Chi khu quận Bến Lức	2
		- Nhà giam Chi khu quận Cần Đước	2
		- Nhà giam Chi khu quận Cần Giuộc	2
		- Nhà giam Chi khu quận Tân Trụ	2
		- Nhà giam Chi khu quận Bình Phước (nay là huyện Châu Thành)	2
		- Nhà giam Chi khu quận Rạch Kiến	2
		34.3. Trại giam tỉnh Hậu Nghĩa	2
- Nhà giam Chi khu quận Đức Hòa	2		
- Bót Thành Miếu	1		
- Nhà giam Đức Huệ	2		
34.4. Trại giam tỉnh Kiến Tường	2		
- Nhà giam Chi khu quận Kiến Bình	2		
- Nhà giam Chi khu quận Tuyên Nhơn	2		
- Nhà giam tiểu khu Kiến Tường (hoặc Mộc Hóa)	2		
- Nhà giam Chi khu quận Tuyên Bình	2		
35	Nam Định	35.1. Đền lao Nam Định	
		35.2. Nhà tù Máy chai Nam Định	
		35.3. Nhà tù Santhôma Nam Định	

		35.4. Nhà tù Lục Thủy (khu vực Bùi Chu, huyện Xuân Trường)	
36	Nghệ An	36.1. Nhà lao Vinh	Từ năm 1930-1954
		36.2. Nhà tù Kim Nhan	Từ năm 1930-1954
		36.3. Nhà lao Thanh Chương	Từ tháng 9 năm 1930 đến 1933
		36.4. Nhà lao Triều Dương	Từ tháng 9 năm 1930 đến 1933
37	Ninh Bình	37.1. Đền lao số 10 ở phố Đề Lao	1
		37.2. Khu Tiểu chủng viện Phúc Nhạc	1
		37.3. Nhà hát Nam Thanh (Nam Thành, thuộc khu vực nhà thờ lớn Phát Diệm)	1
		37.4. Nhà Hai Vỡ	
		37.5. Nhà Lâm Tế	
		37.6. Rạp Thọ Lạc	
		37.7. Đồn Kim Đài	
38	Ninh Thuận	38.1. Nhà tù Phan Rang	Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 và trong kháng chiến chống Pháp
		38.2. Nhà tù Mỹ Đức (tên gọi khác là Trung tâm cải huấn Ninh Thuận)	2
		38.3. Nhà giam quận Thanh Hải	2
		38.4. Nhà giam quận An Phước	2
		38.5. Nhà giam quận Du Long	2
		38.6. Nhà giam quận Sông Pha	2
		38.7. Nhà giam quận Bửu Sơn	2
		38.8. Đồn Hòa Trinh quận An Phước	1
		38.9. Đồn Mỹ An	2
		38.10. Phân Chi khu Mỹ Tường	2

		38.11. Đồn Phú Quý	1
		38.12. Đồn Dư Khánh	1
		38.13. Đồn Sơn Hải (Nha Tiên Lễ)	2
		38.14. Trung tâm thẩm vấn Mỹ	
		38.15. Ban 2 Tiểu khu Ninh Thuận	
		38.16. Ty cảnh sát Quốc gia	
		38.17. Cơ quan cảnh sát dã chiến Ninh Thuận	
39	Phú Thọ	39.1. Đồn Trại Vải xã Mỹ Thuận, huyện Tân Sơn	Từ năm 1947-1950
		39.2. Đồn Thu Cúc, xã Thu Cúc, huyện Tân Sơn	Từ năm 1947-1950
		39.3. Đồn Lai Đồng, xã Lai Đồng, huyện Tân Sơn	Từ năm 1947-1950
		39.4. Đồn Chẹ Rẹ, xã Xuân Đài, huyện Tân Sơn	Từ năm 1947-1950
		39.5. Đồn Mù, xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn	Từ năm 1947-1950
40	Phú Yên	40.1. Nhà tù Trà Kê (huyện Sơn Hòa)	
		40.2. Nhà tù Ngọc Lãng (thị xã Tuy Hòa)	
		40.3. Nhà tù Khu Chiến (thị xã Tuy Hòa)	
		40.4. Nhà lao Phú Nhuận (huyện Tuy Hòa)	
		40.5. Nhà tù Phú Tân (huyện Tuy An)	
		40.6. Nhà tù La Hai (huyện Đồng Xuân)	
		40.7. Nhà tù quận Hiếu Xương	
		40.8. Nhà tù Củng Sơn (huyện Sơn Hòa)	
		40.9. Nhà lao Ty cảnh sát (thị xã Tuy Hòa)	
		40.10. Nhà tù thị trấn Sông Cầu	
		40.11. Nhà lao xã Hòa Vinh	
		40.12. Nhà lao Núi Hiềm	
		40.13. Nhà lao Chợ Đèo (xã An Định)	
		40.14. Chi khu quân sự (xã Chí Thạnh)	

41	Quảng Bình	41.1. Nhà lao Đồng Hới	
		41.2. Đồn Thượng Phong	
		41.3. Đồn Mỹ Đức	
		41.4. Đồn Mỹ Trạch	
		41.5. Đồn Hòa Luật (Hòa Luật Nam)	
		41.6. Đồn Mỹ trung	
		41.7. Đồn Lệ Kỳ	
		41.8. Đồn Quán Hâu	
		41.9. Đồn Thuận Lý	
		41.10. Đồn sân bay Đồng Hới	
		41.11. Đồn Hoàn Lão	
		41.12. Đồn Thanh Khê (Đồn Quảng Khê)	
		41.13. Đồn Lý Hòa (Đồn Đá Đen)	
		41.14. Đồn Cổ Giang	
		41.15. Đồn Cự Năm	
		41.16. Đồn Vạn Lộc	
		41.17. Đồn Tiên Lễ	
		41.18. Đồn Minh Lệ	
		41.19. Đồn Ba Đồn	
42	Quảng Nam	42.1. Nhà lao Vĩnh Điện (huyện Điện Bàn)	Do triều đình phong kiến Nam Triều lập ra và tồn tại đến tháng 8/1945
		42.2. Nhà lao Hội An, thị xã Hội An (từ năm 1947 có lúc gọi là nhà lao Thông Đăng, Trại Tế bản, nhà lao Xóm mới - Trường Lệ)	Đầu thế kỷ XX đến tháng 3/1975
		42.3. Nhà lao khu Trung Tam Kỳ (thị xã Tam Kỳ)	Từ tháng 7/1962 đến tháng 3/1975
		42.4. Nhà lao Quảng Tín (thị xã Tam Kỳ)	Từ tháng 8/1962 đến tháng 3/1975

42.5. Hòn Bàng (huyện Duy Xuyên)	Từ năm 1947 đến tháng 3/1975
42.6. Ai Nghĩa (huyện Đại Lộc)	Từ năm 1947 đến tháng 3/1975
42.7. Vĩnh Điện (huyện Điện Bàn)	Từ năm 1947 đến tháng 3/1975
42.8. Hiếu Nhơn (thị xã Hội An)	Từ tháng 7/1963 đến tháng 3/1975
42.9. Hà Lam (huyện Thăng Bình)	Từ tháng 8/1954 đến tháng 3/1975
42.10. Quế Sơn (Vườn Dừa, huyện Quế Sơn)	Từ tháng 8/1954 đến tháng 3/1975
42.11. Lý Tín (huyện Núi Thành)	Từ tháng 7/1963 đến tháng 3/1975
42.12. Khu Trung Tam Kỳ (thị xã Tam Kỳ)	Từ tháng 8/1954 đến tháng 3/1975
42.13. Khu Nam Tam Kỳ (thị xã Tam Kỳ)	Từ tháng 8/1954 đến tháng 3/1975
42.14. Khu Tây Nam Kỳ (thị xã Tam Kỳ)	Từ tháng 8/1954 đến tháng 3/1975
42.15. Trà My-Hậu Đức (huyện Trà My)	Từ năm 1954 đến tháng 10/1964
42.16. Khâm Đức (huyện Phước Sơn)	Từ năm 1954 đến tháng 5/1968
42.17. Đức Dục (huyện Duy Xuyên)	Từ tháng 10/1962 đến tháng 3/1975
42.18. Bến Hiên (huyện Hiên)	Từ năm 1954 đến cuối năm 1962
42.19. Bến Giằng (Nam Giang)	Từ năm 1954 đến tháng 4/1965
42.20. Hà Tân - Thượng Đức (huyện Đại Lộc)	Từ tháng 4/1958 đến tháng 7/1974
42.21. Phước Lâm (huyện Tiên Phước)	Từ năm 1954 đến tháng 3/1975

42.22. Tiên Phước (huyện Tiên Phước)	Từ năm 1954 đến tháng 3/1975
42.23. Hiệp Đức (huyện Hiệp Đức)	Từ tháng 4/1958 đến tháng 2/1966
42.24. Thành Mỹ	Từ sau năm 1945
42.25. Trao 9 (còn gọi là Prao thuộc huyện Hiên)	
42.26. Trung tâm Huấn chính Đình Trung Lộc	2
42.27. Trung tâm Huấn chính Hý viện Trung Phước	2
42.28. Chi khu Chợ Đước	Từ năm 1954-1960
42.29. Liên khu 34 Vĩnh Huy	Từ năm 1955-1957
42.30. Khu 2 Kế Xuyên	Từ năm 1955-1957
42.31. Khu chỉnh huấn Bến Đá	Từ năm 1957-1959
42.32. Trung tâm cải huấn Phó Giang	Từ năm 1955-1959
42.33. Khu chỉnh huấn Tây Giang	Từ năm 1957-1959
42.34. Tiền hiền thôn Diên Phước	Từ năm 1954-1956
42.35. Hội trường xã Bình Tú	Từ năm 1956-1959
42.36. Nhà cổ Phước Thành	Từ năm 1955-1957
42.37. Khu Ba Gò	Từ năm 1955-1957
42.38. Đình làng Câu	Từ năm 1955-1957
42.39. Nhà thờ Trần Đặng	Từ năm 1955-1957
42.40. Nhà thờ Xã Khảo	Từ năm 1955-1956
42.41. Nhà Bà Hiên	Từ năm 1955-1956
42.42. Quận lỵ Duy Xuyên	Từ năm 1945-1975
42.43. Đình làng Cây đa Xuyên Mỹ	2
42.44. Lô cốt Cầu Chìm	2
42.45. Đình Thu Bồn	2
42.46. Chùa Bà Giám	2

		42.47. Khu 3 Việt An	Từ năm 1954-1960
		42.48. Sơn Mỹ - Hiệp Đức	Từ năm 1958-1960
		42.49. Quận Thượng Đức	1
		42.50. Quận Đại Lộc	1
		42.51. Tiểu khu Hương An	2
		42.52. Nhà lao Quế Sơn	2
		42.53. Đồn lớn Phước Trạch Cửa Đại	1
		42.54. Ty cảnh sát Quảng Nam	2
		42.55. Trung tâm thẩm vấn Quảng Nam	2
		42.56. Chi Công an quận Tam Kỳ	2
		42.57. Nhà lao quận Tam Kỳ	2
		42.58. Hội đồng Châu Thành Tam Kỳ	2
		42.59. Ấp Nam Tam Thái	2
		42.60. Đình Phương Hòa, xã Kỳ Hương	2
		42.61. Trụ sở xã Kỳ Phú	2
		42.62. Khu Trung, xã Kỳ Phú	2
		42.63. Ấp Tây, xã Kỳ Anh	2
		42.64. Ấp Nam, xã Kỳ Anh	2
		42.65. Trụ sở xã Kỳ Anh	2
		42.66. Trụ sở xã Kỳ Phong	2
		42.67. Nhà giam Phước Lâm	2
43	Quảng Ngãi	43.1. Nhà tù Quảng Ngãi	1,2
		43.2. Khu an trí Ba Tơ	1
		43.3. Khu an trí Di Lãng	1
		43.4. Chi khu Bình Sơn	Tháng 10 năm 1954 đến tháng 3 năm 1975

43.5. Chi khu Sơn Tịnh	Tháng 10 năm 1954 đến tháng 3 năm 1975
43.6. Chi khu Tư Nghĩa	Tháng 10 năm 1954 đến tháng 3 năm 1975
43.7. Chi khu Nghĩa Hành	Tháng 10 năm 1954 đến tháng 3 năm 1975
43.8. Chi khu Trà Bồng	Tháng 10 năm 1954 đến tháng 3 năm 1975
43.9. Chi khu Sơn Hà	Tháng 10 năm 1954 đến tháng 3 năm 1975
43.10. Chi khu Mộ Đức	Tháng 5 năm 1955 đến tháng 3 năm 1975
43.11. Chi khu Đức Phổ	Tháng 5 năm 1955 đến tháng 3 năm 1975
43.12. Chi khu Ba Tơ	Tháng 5 năm 1955 đến năm 1972
43.13. Chi khu Minh Long	Tháng 10 năm 1954 đến năm 1972
43.14. Trại an trí Trà Khê	1,2
43.15. Ty cảnh sát (công an) tỉnh Quảng Ngãi	1,2
43.16. Trung tâm cải huấn tỉnh Quảng Ngãi	1,2
43.17. Trung tâm thẩm vấn tỉnh Quảng Ngãi	1,2
43.18. Sở đèn pha Lý Sơn	1
43.19. An Trí Trà Bồng	1
43.20. Lao xã Quảng Ngãi	2
43.21. Bộ Chỉ huy quân sự Cảnh sát quốc gia tỉnh Quảng Ngãi	2
43.22. Trung tâm tạm giam Quảng Ngãi	2
43.23. Chi cảnh sát quốc gia Bình Sơn	2
43.24. Bộ Chỉ huy cảnh sát Quốc gia Bình Sơn	2
43.25. Chi cảnh sát quốc gia quận Tư Nghĩa	2

		43.26. Chi công an quận Tư Nghĩa	2
44	Quảng Ninh	44.1. Nhà tù ở tỉnh Quảng Yên cũ (nay là phường Quảng Yên, thị xã Quảng Yên)	
		44.2. Nhà tù Khe tù (nay thuộc Phố Long Tiên, thị trấn Tiên Yên, huyện Tiên Yên)	
		44.3. Nhà giam Hòn Gai (nay thuộc phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long)	
		44.4. Nhà tạm giam ở huyện Móng Cái, tỉnh Hải Ninh cũ (nay là thành phố Móng Cái)	
		44.5. Nhà giam ở Đồn Cao (Đồn Đen) ở thị trấn Đầm Hà, huyện Đầm Hà	
		44.6. Nhà giam ở Đồn Cao nay thuộc thị xã Đông Triều	
45	Quảng Trị	45.1. Nhà đày Lao Bảo	Từ năm 1896-1945
		45.2. Nhà lao Quảng Trị	1,2
		45.3. Ty cảnh sát Quảng Trị	1,2
		45.4. Trại giam ở quận, lý, các huyện: Triệu Phong, Hải Lăng, Gio Linh, Cam Lộ, Hương Hóa, Đông Hà	1,2
		45.5. Trại giam ở quận, lý, huyện Vĩnh Linh	1
		45.6. Huyện Triệu Phong: Đồn Cầu sắt Thạch Hãn, Đồn Lai Phước	1
		45.7. Huyện Triệu Phong: Đồn Cửa Việt	1,2
		45.8. Trại giam quận lý Trung Lương (huyện Gio Linh)	2
		45.9. Trại giam Ba Lòng đóng tại huyện ĐaKrông	2
		45.10. Trại giam Chi khu Mai Lĩnh (huyện Hải Lăng)	2
46	Sóc Trăng	46.1. Khám lớn tỉnh Ba Xuyên	1,2
		46.2. Trại giam Tiểu khu Ba Xuyên	2
		46.3. Trung tâm thẩm vấn Mỹ tỉnh Ba Xuyên	2
		46.4. Ty Cảnh sát tỉnh Ba Xuyên	2
		46.5. Nhà giam Chi Cảnh sát huyện Long Phú	2

		46.6. Nhà giam Chi cảnh sát huyện Lịch Hội Thượng (nay thuộc huyện Long Phú)	2
		46.7. Phòng điều tra và nhà giam Chi khu quận Mỹ Tú	2
		46.8. Chi khu quận Bảy Xâu	2
		46.9. Chi khu Cổ Cò (quận Hòa Tú)	2
		46.10. Nhà giam Chi khu Ngã Năm (quận Ngã Năm)	2
		46.11 Nhà giam Chi khu Phú Lộc (quận Phú Lộc)	2
		46.12. Nhà giam Ban Hai và Chi Cảnh sát quân Kế Sách 2	2
		46.13. Nhà giam Ban Hai và Chi cảnh sát quận Phong Thuận	2
		46.14. Nhà giam Ban Hai và Chi cảnh sát quận Vĩnh Châu	2
47	Sơn La	47.1. Nhà tù Sơn La	
48	Tây Ninh	48.1. Khám đường Tây Ninh	
		48.2. Nhà tù “Nhà du Khách sạn”	
		48.3. Chi khu Trảng Bàng	2
		48.4. Quận Trảng Bàng	2
		48.5. Ban Hai quận Trảng Bàng	2
		48.6. Quận Hiếu Thiện (nay là huyện Gò Dầu)	2
		48.7. Quận Khiêm Hanh (nay là huyện Gò Dầu)	2
		48.8. Chi khu Phước Ninh (nay là huyện Châu Thành)	2
		48.9. Đồn Bến Sỏi, quận Phước Ninh (huyện Châu Thành)	2
		48.10. Quận Phú Khương (nay là thị xã Hòa Thành)	2
49	Thái Bình	49.1. Nhà tù Thái Bình	Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 và kháng chiến chống Pháp
50	Thái Nguyên	50.1. Nhà tù Chợ Chu (Thị trấn Chợ Chu huyện Định Hóa)	
		50.2. Trại giam Càng Bá Vân (nay là P. Trưng Vương, TP Thái Nguyên)	

		50.3. Nhà lao Thái Nguyên (nay là phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên)	
51	Thanh Hóa	51.1. Nhà tù Thanh Hóa	Trước Cách mạng tháng 8/1945 và trong kháng chiến chống Pháp
		51.2. Nhà lao tỉnh	
		51.3. Nhà lao Bái Thượng (Thọ Xuân)	
		51.4. Trại an trí Sầm Sơn	
52	Thừa Thiên Huế	52.1. Nhà lao Thừa Phủ	1,2
		52.2. Ngục giam Chín Hầm	1,2
		52.3. Nhà lao Tòa Khâm	1
		52.4. Tiểu khu Thừa Thiên	2
		52.5. Nhà giam Ty Cảnh sát ngục	2
		52.6. Các chi khu, quận, huyện (ngục) Nam Hòa, Hương Trà, Phong Điền, Phú Vang, Hương Thủy, Phú Lộc	
		52.7. Nhà lao Mang Cá	
		52.8. Chi khu các quận Quảng Điền, Vinh Lộc, Hương Điền, Phú Thứ	
		52.9. Phòng nhì Mật thám Pháp	
		52.10. Trung tâm cải huấn Thừa Thiên	
		52.11. Trung tâm cải huấn Thanh Tân	
		52.12. Lao Khê Lê, Lao Nam Đông sát nhập Lao tạm Dương Hòa	
		52.13. Lao Đá Liếp - Dương Hòa	
		52.14. Ty thẩm vấn Thừa Thiên	
		52.15. Phòng II An ninh Quân đội - Tiểu khu Thừa Thiên	
		52.16. Phòng II An ninh Quân đội cấp Lữ đoàn, Sư đoàn	
		52.17. Lao xá Công an Thừa Thiên (Nhà lao Công an)	1,2
		52.18. Nhà lao Tàng Thơ	2

		52.19. Căng An Trí La Hy (nhà tù La Hy)	1
		52.20. Căng An Trí Phú Bài	1
		52.21. Căng An Trí Phong Điền	1
		52.22. Trại tập trung quản thúc ở Phong Điền	1
		52.23. Trại tập trung quản thúc ở Phú Lộc	1,2
		52.24. Trại tập trung quản thúc ở Quảng Điền	1,2
		52.25. Nhà Lao Hộ Thành	1
		52.26. Trại Giam áp 5 của Mỹ căn cứ Phú Bài	1,2
		52.27. Phòng giam đặc biệt tại huyện lỵ Phú Vang cũ	1,2
		52.28. Đồn Địa Linh	1,2
		52.29. Đồn Thanh Phước	1,2
		52.30. Đồn Phò Trạch	1,2
		52.31. Đồn Linh Khố Xanh	1,2
		52.32. Đồn Tòa Khâm cũ	1,2
		52.33. Bốt cảnh sát Huế	1,2
		52.34. Trại an trí Oasis, Thừa Thiên	
		52.35. Đồn Truồi	1,2
53	Tiền Giang	53.1. Khám số 7	Từ năm 1930-1954
		53.2. Khám lớn Mỹ Tho (Sau tháng 7 năm 1954 đổi tên là Khám đường Mỹ Tho)	Từ năm 1930-1975
		53.3. Trung tâm cải huấn Định Tường	Từ năm 1960-1975
		53.4. Trại giam tù binh Đồng Tâm	Từ năm 1967-1975
		53.5. Nhà giam Cây Khế	Từ năm 1954-1975
		53.6. Ty thẩm vấn Định Tường	Từ năm 1930-1975
		53.7. Nhà giam Mãnh Hồ	Từ năm 1954-1975
		53.8. Nhà giam Bến Tranh	Từ năm 1930-1965

		53.9. Nhà giam Tân Hiệp	Từ năm 1965-1975
		53.10. Nhà giam Chi khu Châu Thành	Từ năm 1954-1975
		53.11. Nhà giam Chi khu Long Định	Từ năm 1954-1961
		53.12. Nhà giam Chi khu Sầm Giang	Từ năm 1965-1975
		53.13. Nhà giam Chi khu Cai Lậy	Từ năm 1930-1975
		53.14. Nhà giam Chi khu Cái Bè	Từ năm 1930-1975
		53.15. Nhà giam Chi khu Giáo Đức	Từ năm 1961-1965
		53.16. Nhà giam Chi khu Chợ Gạo	Từ năm 1930-1975
		53.17. Khám Gò Công (Sau năm 1954 đổi thành Khám lớn Gò Công)	Từ năm 1930-1975
		53.18. Khám tối - Ty thẩm vấn Gò Công	Từ năm 1954-1975
		53.19. Nhà giam Hòa Đồng (Từ tháng 4 năm 1965 đến tháng 4 năm 1975 đổi thành nhà giam Chi khu Hòa Đồng)	Từ năm 1930-1975
		53.20. Nhà giam Chi khu Hòa Bình	Từ năm 1954-1975
		53.21. Nhà giam Chi khu Hòa Lạc	Từ năm 1954-1975
		53.22. Nhà giam Chi khu Hòa Tân	Từ năm 1954-1975
54	Trà Vinh	54.1. Trung tâm cải huấn Vĩnh Bình (gồm phòng số 2,4,6,7,8,10)	
		54.2. Trại giam tù binh Nhà máy Đồng Thăng	
		54.3. Trại giam Ty Công an tỉnh	
		54.4. Trại giam Kho dầu Cầu Ngang	
		54.5. Trại giam Càng Long	
		54.6. Trại giam Tiểu Cần	
		54.7. Trại giam Trà Cú	
		54.8. Trại giam Cầu Kè	
		54.9. Khám tù chính trị khu vực nhà máy cơ khí Trà Vinh	
		54.10. Trung tâm thẩm vấn cảnh sát đặc biệt tỉnh Trà Vinh	

		54.11. Trung tâm thẩm vấn Ty An ninh quân đội tỉnh Trà Vinh	
		54.12. Ty cảnh sát Vĩnh Bình	
55	Tuyên Quang	55.1. Nhà Pha Tuyên Quang	
56	Vĩnh Long	56.1. Khám lớn Vĩnh Long	1,2
		56.2. Khám Tam Cành	1,2
		56.3. Trại giam tù binh (trại Hoa Lư)	1
		56.4. Trại giam Cái Vồn	1,2
		56.5. Nhà giam Quận Mới	2
		56.6. Khám Đá	2
		56.7. Nhà giam Mai Phốp	1
		56.8. Nhà giam Cái Nhum	1,2
		56.9. Nhà giam Tam Bình	1,2
		56.10. Nhà giam Ba Càng	2
		56.11. Nhà giam Thầy Phó	2
		56.12. Nhà giam Trà Ôn	2
		56.13. Nhà giam Bình Minh	2
		56.14. Nhà giam Trợ Lách	2
		56.15. Khám Bót Chùa thuộc ấp An Điền, Trung Hiếu, Vũng Liêm, Vĩnh Long	
		56.16. Khám Chệt, Vĩnh Long	
		56.17. Khám Vũng Liêm, Vĩnh Long	
		56.18. Phòng giam nằm trong Chi Cảnh sát Vĩnh Long	
57	Vĩnh Phúc	57.1. Căng Vĩnh Yên (Thành Đô)	1
		57.2. Căng Phúc Yên (Thành Tráng)	
58	Yên Bái	58.1. Nhà tù cấp tỉnh đặt tại thị xã Yên Bái (nay là thành phố Yên Bái)	1

		58.2. Nhà tù cấp Đông Dương còn gọi là “Căng” Nghĩa Lộ đặt tại Châu Văn Chấn (nay thuộc thị xã Nghĩa Lộ)	1
59	Chiến trường Miền Nam Việt Nam	59.1. Trại giam Vùng 3 chiến thuật/Ngụy	
		59.2. Trại giam Vùng 4 chiến thuật/Ngụy	
		59.3. Trại giam Biệt khu 44/Quân khu 4/Ngụy	
		59.4. Trung tâm thẩm vấn Quân đoàn 1/Quân khu 1/Ngụy	
		59.5. Trung tâm thẩm vấn Quân đoàn 2/Quân khu 2/Ngụy	
		59.6. Trung tâm thẩm vấn Quân đoàn 3/Quân khu 3/Ngụy	
		59.7. Trung tâm thẩm vấn Quân đoàn 4/Quân khu 4/Ngụy	
		59.8. Trại giam Bình Đức/Mỹ Tho	